

Số: 7255 /QĐ-UBND

Khoái Châu, ngày 30 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Thực hiện Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, Hướng dẫn số 3008/HD-LĐTBXH ngày 17/8/2022 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hưng Yên hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tại Tờ trình số 225/TTr-LĐTBXH ngày 30/11/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

- Tổng số hộ nghèo: 1.501 hộ; Số người thuộc hộ gia đình nghèo: 3.708 người;
- Tỷ lệ hộ nghèo: 2,26 %.

- Tổng số hộ cận nghèo: 1.729 hộ; Số người thuộc hộ gia đình cận nghèo: 5.483 người.
- Tỷ lệ hộ cận nghèo: 2,61 %.

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm về đối tượng cụ thể, danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, người nghèo, người cận nghèo trên địa bàn quản lý; chỉ đạo triển khai, thực hiện kịp thời chế độ bảo hiểm y tế; các chính sách an sinh xã hội, chính sách kinh tế, xã hội khác năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Lao động - TB&XH huyện; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy - HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hải Nam

Phụ lục 02

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỔNG RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2022
(THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025)**

(Ban hành kèm theo Quyết định 7255 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện Khoái Châu)

STT	Xã/Thị trấn	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tổng số khẩu nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số khẩu cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số người nghèo thuộc hộ nghèo đề nghị hỗ trợ cấp thẻ BHYT	Tổng số người thuộc hộ cận nghèo đề nghị cấp thẻ BHYT
1	TTKC	2.877	70	158	2.43	68	198	2.36	125	170
2	An Vĩ	2.518	43	74	1.71	44	113	1.75	49	97
3	Bình Minh	2.812	46	125	1.64	29	88	1.03	95	72
4	Bình Kiều	2.449	73	181	2.98	42	130	1.71	158	113
5	Chí Tân	1.978	53	116	2.68	84	267	4.25	116	84
6	Dạ Trạch	2.012	42	61	2.09	61	162	3.03	61	162
7	Dân Tiến	2.256	49	133	2.17	61	165	2.70	113	145
8	Đại Hưng	2.310	61	180	2.64	59	193	2.55	146	163
9	Đại Tập	2.838	78	140	2.75	63	164	2.22	77	130
10	Đông Ninh	1.521	42	125	2.76	72	238	4.73	92	189
11	Đông Kết	3.510	23	54	0.66	18	41	0.51	43	34
12	Đồng Tiến	1.948	51	153	2.62	86	287	4.41	131	251

STT	Xã/Thị trấn	Tổng số hộ dân cư	Tổng số hộ nghèo	Tổng số khẩu nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số khẩu cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số người nghèo thuộc hộ nghèo đề nghị hỗ trợ cấp thẻ BHYT	Tổng số người thuộc hộ cận nghèo đề nghị cấp thẻ BHYT
13	Đông Tào	3.063	41	133	1.34	47	170	1.53	128	169
14	Hàm Tử	2.239	51	151	2.28	66	190	2.95	102	161
15	Hồng Tiến	3.363	90	199	2.68	116	403	3.45	199	403
16	Liên Khê	2.090	61	142	2.92	68	242	3.25	116	208
17	Nhuế Dương	1.643	45	100	2.74	68	236	4.14	81	215
18	Ông Đình	1.732	35	64	2.02	44	122	2.54	45	90
19	Phùng Hưng	4.117	112	275	2.72	147	452	3.57	246	429
20	Tân Dân	4.798	56	102	1.17	98	308	2.04	95	304
21	Tân Châu	3.296	91	265	2.76	126	455	3.82	223	409
22	Thành Công	2.233	60	200	2.69	31	96	1.39	181	88
23	Thuần Hưng	2.593	70	130	2.70	61	186	2.35	108	176
24	Tứ Dân	3.452	87	243	2.52	77	261	2.23	208	239
25	Việt Hòa	2.639	71	204	2.69	93	316	3.52	200	312
Toàn huyện		66.287	1.501	3.708	2.26	1.729	5.483	2.61	3.138	4.813